

Số: 1788/HD-ĐHLHN

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2023

HƯỚNG DẪN

Về việc công nhận văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ và quy đổi điểm, miễn học, miễn thi, công nhận các học phần ngoại ngữ và chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Luật Hà Nội

Trường Đại học Luật Hà Nội hướng dẫn về việc công nhận văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ và quy đổi điểm, miễn học, miễn thi, công nhận các học phần ngoại ngữ và chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Luật Hà Nội theo Quyết định số 1060/QĐ-ĐHLHN ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc ban hành Quy định về việc công nhận chứng chỉ ngoại ngữ và quy đổi điểm các học phần ngoại ngữ đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Luật Hà Nội như sau:

1. Xác định văn bằng, chứng chỉ đáp ứng điều kiện quy đổi điểm, miễn học, miễn thi, công nhận các học phần ngoại ngữ và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ

1.1. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ

Theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (gọi tắt là: KNLNNVN) ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo dạng thức nội bộ hoặc chứng chỉ ngoại ngữ được quy định theo Bảng 1 như sau:

Bảng 1. Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ

STT	NGÀNH/ CHƯƠNG TRÌNH	KNLNNVN
1	Ngành Ngôn ngữ Anh	Bậc 5/6 (Tiếng Anh)
2	Ngành Luật, Luật Kinh tế (chương trình Chất lượng cao) và Luật Thương mại Quốc tế	Bậc 4/6 (Tiếng Anh)
3	Các ngành Luật, Luật Kinh tế và các ngành/chuyên ngành khác trong lĩnh vực pháp luật	Bậc 3/6 (ngoại ngữ gồm Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung và Tiếng Nhật (chương trình của Trường Đại học Tổng hợp Nagoya Nhật Bản))
4	Các ngành Luật, Luật Kinh tế và các ngành/chuyên ngành khác trong lĩnh vực pháp luật (chương trình của Trường Đại học Tổng hợp Nagoya Nhật Bản)	Bậc 3/6 (ngoại ngữ Tiếng Nhật)

1.2. Sinh viên đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ theo quy định tại điểm này khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm ngôn ngữ nước ngoài (tốt nghiệp từ các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt);

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài tại Việt Nam cấp (được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt);

c) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Luật Hà Nội cấp trong thời gian không quá 02 năm (tính đến ngày đăng ký xét tốt nghiệp) mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tùy theo từng ngành, từng chương trình đào tạo;

d) Chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được tổ chức thi và cấp chứng chỉ theo Quyết định phê duyệt còn hiệu lực của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

e) Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (Tiếng Anh, Nga, Pháp, Trung, Nhật) được cấp bởi các đơn vị liên kết tổ chức thi và cấp chứng chỉ theo Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài. Các chứng chỉ quốc tế này phải được các đơn vị liên kết tổ chức thi và cấp trong thời gian 5 năm kể từ ngày Quyết định phê duyệt tổ chức thi cấp chứng chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo được ký.

g) Các chứng chỉ ngoại ngữ còn thời hạn 24 tháng được cấp trước khi Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài có hiệu lực vẫn thực hiện theo quy định trước đây của Trường Đại học Luật Hà Nội.

2. Công nhận quy đổi điểm, miễn học, miễn thi và chuẩn đầu ra Tiếng Anh

2.1. Sinh viên không thuộc trường hợp miễn học, miễn thi phải đăng ký học và tích lũy đủ học phần tiếng Anh theo quy định của chương trình đào tạo.

2.2. Các trường hợp được miễn học, miễn thi Anh văn học phần 1 và 2, học phần Tiếng Anh nâng cao và học phần Tiếng Anh Nghe Nói nâng cao, xét đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh:

a) Sinh viên theo học các chương trình đào tạo nếu có Chứng chỉ IELTS ACADEMIC (BC/IDP cấp) thì nộp về Phòng Đào tạo đại học chậm nhất là ngày 31 tháng 12 của năm học thứ NHẤT sẽ được miễn học, miễn thi và được quy đổi điểm của các học phần Tiếng Anh thuộc các ngành đào tạo theo Bảng 2 dưới đây. Các sinh viên này vẫn phải đáp ứng quy định về Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ theo quy định chung.

Sau ngày 31 tháng 12 của năm học thứ NHẤT thì sẽ chỉ được công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, không được miễn học, miễn thi và không được quy đổi điểm.

th

Bảng 2. Công nhận quy đổi điểm, miễn học và miễn thi học phần Tiếng Anh đối với chứng chỉ IELTS ACADEMIC (BC/IDP cấp)

IELTS ACADEMIC (BC/IDP cấp)	Quy đổi điểm	Ngành Luật, Luật Kinh tế (chương trình Chất lượng cao) (miễn học và miễn thi)	Luật, Luật Kinh tế và các ngành/chuyên ngành khác (miễn học và miễn thi)
Từ 6.5 trở lên	10	Học phần Tiếng Anh nâng cao và học phần Tiếng Anh Nghe nói nâng cao	Anh văn học phần 1 và Anh văn học phần 2
6.0	9		
5.5	8.5		
5	8		

b) Sinh viên theo học các chương trình đào tạo nếu có Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế và KNLNNVN còn thời hạn 24 tháng tính đến ngày nộp về Phòng Đào tạo đại học sẽ được xem xét công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Bảng 3 và 4 dưới đây:

Bảng 3. Công nhận chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với chứng chỉ IELTS ACADEMIC (BC/IDP cấp)

Ngành	IELTS ACADEMIC (BC/IDP cấp)	Chuẩn đầu ra Tiếng Anh
Ngôn ngữ Anh	7.0	Bậc 5/6
Ngành Luật, Luật Kinh tế (chương trình Chất lượng cao)/Ngành Luật Thương mại quốc tế	6.5	Bậc 4/6
	6.0	
Ngành Luật, Ngành Luật Kinh tế và các ngành/chuyên ngành khác trong lĩnh vực pháp luật	5.5	Bậc 3/6
	5	

Bảng 4. Công nhận chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với chứng chỉ TOEIC/TOEFL (IIG cấp), chứng chỉ Tiếng Anh khác và KNLNNVN

Khung NLNNVN	TOEFL iBT	TOEFL ITP	TOEIC READING & LISTENING	TOEIC SPEAKING	TOEIC WRITING	Aptis ESOL	Cambridge Exam
Bậc 5	94-109	627-677	945-990	180-200	180-200	C1	C1 Certificate in Advanced English (CAE):180

Bậc 4	46-93	500-626	785-940	160-170	150-170	B2	B2 First Certificate in English (FCE): 160
Bậc 3	30-45	450-499	550-780	120-150	120-140	B1	B1 Preliminary English Test (PET): 140

3. Công nhận quy đổi điểm, miễn học và miễn thi các học phần Tiếng Anh và Tiếng Anh Pháp lý đối với sinh viên học cùng lúc 2 chương trình của Trường Đại học Luật Hà Nội

3.1. Từ các ngành gồm ngành Luật và ngành Luật Kinh tế (chương trình đào tạo chất lượng cao), ngành Luật Thương mại quốc tế, ngành Luật, ngành Luật Kinh tế và các chuyên ngành khác trong lĩnh vực pháp luật đã trúng tuyển học ngành Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành tiếng Anh pháp lý) mà có chứng chỉ IELTS ACADEMIC còn hạn tính đến ngày thông báo tuyển sinh của năm học thứ HAI, sinh viên được miễn kiểm tra trình độ, miễn học, miễn thi và quy đổi điểm các học phần Kỹ năng Nghe/Nói/ Đọc/Viết HP 1 và 2; và Tiếng Anh Pháp lý (tương đương).

Điểm quy đổi được thực hiện theo Bảng 5 về Công nhận quy đổi điểm, miễn học và miễn thi học phần Tiếng Anh đối với chứng chỉ IELTS ACADEMIC (BC/IDP cấp); và Bảng 6. Công nhận quy đổi điểm, miễn học và miễn thi các học phần Tiếng Anh Pháp lý đối với sinh viên học cùng lúc 2 chương trình của Trường Đại học Luật Hà Nội.

Bảng 5. Công nhận quy đổi điểm, miễn học và miễn thi học phần Tiếng Anh đối với IELTS ACADEMIC (BC/IDP cấp) đối với sinh viên học cùng lúc 2 chương trình của Trường Đại học Luật Hà Nội

IELTS ACADEMIC (BC/IDP cấp)	Quy đổi điểm	Ngành Ngôn ngữ Anh	Số tín chỉ
Từ 6.5 trở lên	10	Kỹ năng nghe HP1 và 2 (B1-B2)	5
6.0	9	Kỹ năng nói HP1 và 2 (B1-B2)	5
5.5	8.5	Kỹ năng đọc HP1 và 2 (B1-B2)	5
5	8	Kỹ năng viết HP1 và 2 (B1-B2)	5

Bảng 6. Công nhận quy đổi điểm, miễn học và miễn thi các học phần Tiếng Anh Pháp lý đối với sinh viên học cùng lúc 2 chương trình của Trường Đại học Luật Hà Nội

Handwritten signature

Ngành Ngôn ngữ Anh	Số tín chỉ	Ngành Luật, Luật Kinh tế (chương trình Chất lượng cao) (miễn học và miễn thi)	Ngành Luật Thương mại quốc tế (miễn học và miễn thi)	Luật, Luật Kinh tế và các chuyên ngành khác trong lĩnh vực pháp luật (miễn học và miễn thi)
Học phần Tiếng Anh pháp lý Cơ bản 1	3	Học phần Tiếng Anh Pháp lý cơ bản	Miễn học	Học phần Tiếng Anh Pháp lý cơ bản (Tự chọn nếu có)
Học phần Tiếng Anh pháp lý Cơ bản 2	3	Miễn học	Miễn học	
Học phần Tiếng Anh pháp lý Cơ bản 3	2	Miễn học	Miễn học	
Học phần Tiếng Anh pháp lý Nâng cao 1	3	Miễn học	Học phần Tiếng Anh pháp lý Nâng cao 1	
Học phần Tiếng Anh pháp lý Nâng cao 2	2	Miễn học	Học phần Tiếng Anh pháp lý Nâng cao 2	
Học phần Tiếng Anh pháp lý Nâng cao 3	2	Miễn học	Học phần Tiếng Anh pháp lý Nâng cao 3	

3.2. Từ ngành Ngôn ngữ Anh đã trúng tuyển học các ngành gồm ngành Luật, ngành Luật Kinh tế (chương trình đào tạo chất lượng cao), ngành Luật Thương mại quốc tế, ngành Luật, ngành Luật Kinh tế và các chuyên ngành khác trong lĩnh vực pháp luật đã hoàn thành các học phần Kỹ năng Nghe/Nói/Đọc/Viết 1 và Tiếng Anh pháp lý (tương đương).

Điểm quy đổi được thực hiện theo Bảng 6. Công nhận quy đổi điểm, miễn học và miễn thi các học phần Tiếng Anh Pháp lý đối với sinh viên học cùng lúc 2 chương trình của Trường Đại học Luật Hà Nội; và Bảng 8 về Công nhận quy đổi điểm, miễn học và miễn thi học phần Tiếng Anh đối với các học phần Kỹ năng Nghe/Nói/Đọc/Viết 1.

Bảng 7. Công nhận quy đổi điểm, miễn học và miễn thi các các học phần Kỹ năng Nghe/Nói/Đọc/Viết 1 đối với sinh viên Ngành Ngôn ngữ Anh học cùng lúc 2 chương trình của Trường Đại học Luật Hà Nội

Ngành Ngôn ngữ Anh	Số tín chỉ	Luật, Luật Kinh tế và các chuyên ngành khác trong lĩnh vực pháp luật (miễn học, miễn thi và quy đổi điểm đã đạt)
Kỹ năng nghe 1	2	Anh văn học phần 1 và Anh văn

Handwritten signature

Kỹ năng nói 1	2	học phần 2 (tổng số 07 tín chỉ)
Kỹ năng đọc 1	2	
Kỹ năng viết 1	2	

4. Công nhận và miễn kiểm tra trình độ

4.1. Đối với chương trình liên kết với Đại học Arizona, Hoa Kỳ

4.1.1. Sinh viên nhập học chương trình liên kết với Đại học Arizona, Hoa Kỳ đầu khóa phải tham dự kiểm tra phân loại trình độ Tiếng Anh đầu vào nội bộ (placement test) theo dạng thức IELTS (từ 10 – 15 sinh viên).

4.1.2. Sinh viên của chương trình liên kết đào tạo với Đại học Arizona, Hoa Kỳ có điểm đầu vào IELTS ACADEMIC từ Band 5.5 đến 6.0 phải học và thi các học phần tiếng Anh bồi dưỡng (TABD) tương ứng với các trình độ sau:

a) Band 5.5 phải học 02 học phần: TABD 1; TABD 2.

b) Band 6.0 phải học 01 học phần TABD 2.

4.2. Đối với chương trình chương trình chất lượng cao

4.2.1. Sinh viên chương trình chất lượng cao đã có chứng chỉ IELTS ACADEMIC được miễn kiểm tra trình độ, miễn học và miễn thi. Điểm quy đổi được thực hiện theo Bảng 2;

4.2.2. Sinh viên chương trình chất lượng cao chưa có chứng chỉ IELTS ACADEMIC thì phải tham dự kiểm tra phân loại trình độ (placement test) Tiếng Anh đầu vào nội bộ theo dạng thức IELTS (từ 20 sinh viên).

4.2.3. Sinh viên chương trình chất lượng cao có kết quả kiểm tra nội bộ dưới Band 5.0 phải học và thi các học phần tiếng Anh bồi dưỡng (TABD) tương ứng với các trình độ sau:

a) Dưới Band 4.0 điểm phải học 02 học phần: TABD 1; TABD 2.

b) Từ Band 4.5 tới 5.0 điểm phải học 01 học phần TABD 2.

4.3. Đối với Sinh viên đăng ký học cùng lúc hai chương trình

4.3.1. Nếu sinh viên chưa có chứng chỉ IELTS ACADEMIC, sinh viên phải tham dự kiểm tra phân loại trình độ nội bộ (placement test) Tiếng Anh đầu vào theo dạng thức IELTS (từ 15 sinh viên).

4.3.2. Sinh viên học cùng lúc hai chương trình có kết quả kiểm tra dưới Band 5.0 phải học và thi các học phần tiếng Anh bồi dưỡng (TABD) tương ứng với các trình độ sau:

a) Dưới Band 4.0 điểm phải học 02 học phần: TABD 1; TABD 2.

b) Từ Band 4.5 tới 5.0 điểm phải học 01 học phần TABD 2.

4.4. Đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình có chứng chỉ quốc tế IELTS ACADEMIC nhưng hết hạn thì sẽ MIỄN KIỂM TRA ĐẦU VÀO nhưng vẫn phải học các học phần Tiếng Anh của Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh.

4.5. Điểm điều kiện tuyển sinh học hai chương trình đối với Ngành Ngôn ngữ Anh là 4.5 IELTS ACADEMIC và tương đương.

Handwritten signature

5. Công nhận quy đổi điểm, miễn học miễn thi và đạt chuẩn đầu ra đối với các ngoại ngữ khác¹

5.1. Đối với sinh viên Ngành Luật, Luật Kinh tế và các chuyên ngành khác trong lĩnh vực pháp luật có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế khác được các tổ chức đơn vị do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ còn hạn thì được quy đổi theo Bảng 9 như sau:

Bảng 8. Công nhận chuẩn đầu ra với các ngoại ngữ khác

TT	Ngoại ngữ	Bậc	Điểm Chứng chỉ quốc tế tương đương
1	Tiếng Pháp	3/6	DELF B1
2	Tiếng Nga	3/6	TPKI-1 (TRKI-1) Certificate Level 1
3	Tiếng Trung	3/6	HSK3 và HSKK sơ cấp (đạt từ 180 điểm HSK3 và từ 60 điểm HSKK Sơ cấp)
4	Tiếng Nhật	3/6	JLPT: Certificate Japanese – Language Proficiency/N3

5.2. Sinh viên có các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế khác (Pháp, Trung, Nga, Nhật) được các tổ chức đơn vị do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ còn hạn thì được quy đổi bậc 3 tương đương 9 điểm và bậc 4 được quy đổi tương đương 10 điểm (hệ 10).

6. Đối với sinh viên hệ Văn bằng 2 chính quy và Vừa làm vừa học

6.1. Các điều kiện miễn học/miễn thi và chuyển điểm giống sinh viên theo học hệ đại học chính quy.

6.2. Các sinh viên văn bằng 2 chính quy và vừa làm, vừa học của Trường tốt nghiệp kể từ năm 2014 tại các cơ sở giáo dục đại học có tổ chức thi chuẩn đầu ra ngoại ngữ thì sẽ được công nhận tương đương tại Trường Đại học Luật Hà Nội.

6.3. Việc xác định chuẩn đầu ra ngoại ngữ của sinh viên văn bằng 2 chính quy và vừa làm, vừa học được áp dụng với các sinh viên các lớp/khóa tuyển sinh từ năm 2024.

7. Thời hạn và tiêu chuẩn của văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ

7.1. Đối với bằng đại học liên quan đến yếu tố nước ngoài: không có thời hạn và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định và công nhận bằng văn bản.

7.2. Đối với chứng chỉ ngoại ngữ: 24 tháng kể từ ngày được cấp.

7.3. Chứng chỉ Ngoại ngữ được sử dụng để quy đổi điểm, miễn học, miễn thi là chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế được quy định về thời hạn² đã được liệt kê tại mục 2 và mục 5 của Hướng dẫn này.

¹ Các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế khác (Pháp, Trung, Nga, Nhật) cũng phải thuộc danh mục được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt theo Thông tư số 11/2022/TT-BGDDT ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.

² các chứng chỉ thuộc danh mục được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt theo Thông tư số 11/2022/TT-BGDDT ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.

7.4. Chứng chỉ Ngoại ngữ được sử dụng để công nhận quy đổi điểm, miễn học, miễn thi công nhận đạt Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ phải đảm bảo đầy đủ 04 kỹ năng, các chứng chỉ được sinh viên dự thi kể từ ngày 01/04/2018 không đủ 04 kỹ năng sẽ không được Trường công nhận.

7.5. Trường Đại học Luật Hà Nội chỉ công nhận văn bằng và chứng chỉ ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

7.6. Mẫu phôi chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại thời điểm sinh viên nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

8. Công tác tổ chức thi Chuẩn đầu ra và công nhận đạt Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ

8.1. Trường Đại học Luật Hà Nội tổ chức thi đánh giá Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ 04 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) từ tháng 04 năm 2018.

8.2. Thời gian nộp chứng chỉ ngoại ngữ để được công nhận Chuẩn đầu ra ngoại ngữ hoặc đăng ký thi Chuẩn đầu ra ngoại ngữ sẽ thực hiện kể từ kỳ thứ 5 trở đi của khóa học.

Dự kiến cứ mỗi 02 tháng sẽ xem xét quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ để công nhận đạt chuẩn đầu ra, hạn nộp chứng chỉ ngoại ngữ để xét cho mỗi đợt chậm nhất là trước ngày 20 của tháng thứ 2/1 đợt.

Kết quả công nhận chuẩn đầu ra này không được quy đổi để tính điểm tích lũy 2 học phần mà sinh viên đăng ký học học phần Ngoại ngữ.

8.3. Sinh viên được đăng ký thi Chuẩn đầu ra ngoại ngữ tại Trường bắt đầu từ kỳ thứ 5 trở đi của khóa học.

9. Quy trình, thủ tục miễn học miễn thi, quy đổi điểm Tiếng Anh và chuẩn đầu ra ngoại ngữ

9.1. Trường xét miễn học, miễn thi và quy đổi điểm cho sinh viên có chứng chỉ Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, Tiếng Anh quốc tế theo quy định tại mục 2 và Tiếng Nga, Pháp, Trung và Nhật quốc tế theo quy định tại mục 5. Sinh viên nộp đơn theo mẫu (Phụ lục) kèm theo:

9.1.1. Bản sao có công chứng, chứng thực chứng chỉ ngoại ngữ kèm bản gốc chứng chỉ ngoại ngữ để kiểm tra, đối chiếu;

9.1.2. Văn bản, bản in email xác nhận địa điểm tổ chức thi cấp chứng chỉ cho sinh viên thuộc đơn vị có thẩm quyền tổ chức thi theo Quyết định phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

9.2. Phòng Đào tạo đại học phối hợp với Khoa Ngoại ngữ Pháp lý kiểm tra chuyên môn và kết hợp với Phòng Thanh tra hậu kiểm và báo cáo Hiệu trưởng ra quyết định phê duyệt danh sách sinh viên được miễn học, miễn thi, quy đổi điểm và công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên.

9.3. Sinh viên được quy đổi điểm và công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ phải nộp lệ phí bảo lưu, quy đổi điểm và công nhận đạt chuẩn đầu ra theo quy định của Trường.

10. Tổ chức thực hiện

10.1. Phòng Đào tạo đại học, các đơn vị quản lý sinh viên, Cố vấn học tập phổ biến rộng rãi hướng dẫn này đến sinh viên.

10.2. Phòng Đào tạo đại học, các đơn vị quản lý sinh viên, Cố vấn học tập, phòng Tài chính - Kế toán và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện hướng dẫn này.

10.3. Các đơn vị, cá nhân có liên quan và sinh viên có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc hướng dẫn này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị, cá nhân có liên quan cần phản ánh kịp thời về Phòng Đào tạo đại học để tổng hợp trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (để b/c);
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Đảng ủy, Hội đồng Trường (để b/c);
- Ban giám hiệu (để b/c);
- Các đơn vị thuộc Trường (để t/h);
- Cổng thông tin điện tử (để công khai);
- Lưu: VT, ĐTDH.

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**



Nguyễn Triều Dương

PHỤ LỤC:
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ
VÀ ĐƯỢC MIỄN HỌC- MIỄN THI
CHUYÊN ĐIỂM HỌC PHẦN NGOẠI NGỮ

Kính gửi: BAN GIÁM HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Tôi tên:.....Ngày sinh:.....Lớp:.....

Số CMND/CCCD:

Ngành học:.....

Khóa:.....

Mã sinh viên:.....

Điện thoại:.....

Học phần ngoại ngữ

trong chương trình đào tạo:

☐ đã học ☐ chưa học

Căn cứ quy định về việc học và kiểm tra chuẩn đầu ra ngoại ngữ của trường Đại học Luật Hà Nội, Em làm đơn này đề nghị được miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần Ngoại ngữ/ Công nhận đạt chuẩn đầu ra

Chúng tôi ngoại ngữ quốc tế:

Tên chứng chỉ

Kết quả (điểm số):

Ngày/tháng/năm cấp:

Số vào sổ/Mã chứng chỉ:.....

Đơn vị tổ chức thi:

(bản sao và xuất trình bản gốc để đối chiếu). Em xin cam kết thực hiện đúng các quy định của Trường về việc miễn học, miễn thi và chuyển đổi điểm học phần Ngoại ngữ/ Công nhận đạt chuẩn đầu ra

Em xin cam kết những điều kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai Em xin chịu trách nhiệm và chịu mọi hình thức kỷ luật do Nhà trường quy định.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 202..

NGƯỜI NHẬN ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ tên)